

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	09-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11-38

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch	
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên	
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên	
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/01/2024
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/01/2024

##### Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Công Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Ông Dương Đắc Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Đức Thuận

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Số: 330 /BCKT/TC/NV8

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP với ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 186/BCKT-TC ngày 29 tháng 03 năm 2024. Cơ sở để Công ty TNHH Kiểm toán TTP đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty là do tại ngày 09/02/2023, Công ty có chuyển nhượng tài sản cố định là các công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ Lô A2 CN8 Cụm CN Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 899500 cho Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa, tuy nhiên giao dịch chuyển nhượng trên chưa được hoàn thành về mặt pháp lý. Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản cố định này.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam**



**Nguyễn Bảo Trung**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2023-126-1

**Nguyễn Xuân Hoàng**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 4907-2024-126-1

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025*

12/10/2024 10:10

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MAU SO B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>678.777.758.750</b>	<b>634.991.494.749</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>27.088.661.636</b>	<b>61.606.208.971</b>
1. Tiền	111		9.975.723.480	11.486.208.971
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.112.938.156	50.120.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>34.907.669.396</b>	<b>24.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		34.907.669.396	24.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>386.092.249.226</b>	<b>301.225.329.828</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	350.870.063.464	116.362.368.727
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	28.209.478.437	184.561.379.428
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	7.012.707.325	301.581.673
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>218.684.229.184</b>	<b>238.871.313.690</b>
1. Hàng tồn kho	141		218.684.229.184	238.871.313.690
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.004.949.308</b>	<b>9.288.642.260</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	6.928.073.387	4.288.642.260
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		76.875.921	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>427.738.942.584</b>	<b>217.251.743.790</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>150.000.000</b>	<b>150.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	150.000.000	150.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>152.170.930.436</b>	<b>93.335.166.065</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	149.599.748.268	89.526.172.730
- Nguyên giá	222		199.051.300.019	131.204.391.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.451.551.751)	(41.678.218.815)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	-	221.145.834
- Nguyên giá	225		-	990.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(768.854.166)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	2.571.182.168	3.587.847.501
- Nguyên giá	228		6.098.456.667	6.098.456.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.527.274.499)	(2.510.609.166)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>99.923.000</b>	<b>99.923.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		99.923.000	99.923.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>207.650.000.000</b>	<b>108.650.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		207.650.000.000	108.650.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>67.668.089.148</b>	<b>15.016.654.725</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	67.034.127.617	14.655.058.093
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		633.961.531	361.596.632
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.106.516.701.334</b>	<b>852.243.238.539</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>607.886.931.660</b>	<b>397.647.641.804</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>537.233.995.214</b>	<b>397.647.641.804</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	91.626.711.461	15.666.844.146
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	52.001.505.748	50.316.107.701
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	12.540.733.994	23.342.086.865
4. Phải trả người lao động	314		1.586.829.418	1.818.160.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	381.812.613
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	484.375.780	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	377.636.718.918	306.122.630.479
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.357.119.895	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>70.652.936.446</b>	<b>-</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	70.652.936.446	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>498.629.769.674</b>	<b>454.595.596.735</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>498.629.769.674</b>	<b>454.595.596.735</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		312.493.940.000	249.998.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		312.493.940.000	249.998.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.978.400.000	79.978.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.055.393.794	1.698.273.899
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		103.102.035.880	122.920.372.836
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57.710.743.046	79.725.305.875
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.391.292.834	43.195.066.961
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.106.516.701.334</b>	<b>852.243.238.539</b>

Lại Thị Thu Hà  
Người lập

Đinh Thị Thúy Hạnh  
Kế toán trưởng

Lê Đức Thuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.021.518.841.549	1.051.481.699.320
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	13.976.518.522	12.994.656.877
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.007.542.323.027	1.038.487.042.443
4. Giá vốn hàng bán	11	24	877.426.764.044	908.967.337.783
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		130.115.558.983	129.519.704.660
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.688.091.212	1.263.999.249
7. Chi phí tài chính	22	26	23.076.022.019	22.811.793.260
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.076.022.019	22.811.793.260
8. Chi phí bán hàng	25	27	30.976.013.689	34.015.025.606
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	16.592.168.962	14.011.950.450
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		61.159.445.525	59.944.934.593
11. Thu nhập khác	31		-	271.260
12. Chi phí khác	32	29	3.536.263.585	4.761.097.722
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.536.263.585)	(4.760.826.462)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		57.623.181.940	55.184.108.131
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	12.504.254.005	12.350.637.802
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(272.364.899)	(361.596.632)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		45.391.292.834	43.195.066.961
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.727	1.723

Lại Thị Thu Hà  
Người lập

Đinh Thị Thúy Hạnh  
Kế toán trưởng

Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57.623.181.940	55.184.108.131
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		8.036.039.937	8.962.974.552
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(171.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.688.091.212)	(1.263.828.249)
- Chi phí lãi vay	06		23.076.022.019	22.811.793.260
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		87.047.152.684	85.694.876.694
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(84.883.577.986)	(33.950.660.738)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.187.084.506	19.617.801.041
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		66.835.510.289	(17.007.036.194)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(55.018.500.651)	374.606.426
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23.076.022.019)	(22.429.980.647)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.242.806.605)	(13.534.897.088)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		27.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(483.925.780)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.608.085.562)	18.764.709.494
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(66.856.908.474)	(24.076.379.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.231.835.032)	(638.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.324.165.636	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(99.000.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.688.091.212	1.263.828.249
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(175.076.486.658)	(23.450.550.751)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.059.235.003.252	785.900.555.183
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(916.880.857.367)	(725.939.974.984)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(187.121.000)	(187.121.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		142.167.024.885	59.773.459.199

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(34.517.547.335)	55.087.617.942
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		61.606.208.971	6.518.420.029
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	171.000
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>27.088.661.636</u>	<u>61.606.208.971</u>

  
Lại Thị Thu Hà  
Người lập

  
Đinh Thị Thúy Hạnh  
Kế toán trưởng



  
Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17 tháng 12 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 312.493.940.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 312.493.940.000 đồng; tương đương 31.249.394 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất và kinh doanh các loại bánh.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

#### Công ty có các Công ty con như sau:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	TP. Hà Nội	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Bình Phước	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam (*)	Hà Nam	Sản xuất sản phẩm từ plastic

(\*) Ngày 15/02/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam với số tiền là 99.000.000.000 đồng, tỷ lệ nắm giữ trực tiếp là 99%.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

### 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

#### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10	năm

### Thuê tài sản

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
---------------------	---------	-----

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

### Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 05 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí cải tạo, sửa chữa, công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

### **Doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	4.710.805.200	3.572.032.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.264.918.280	7.914.176.971
Các khoản tương đương tiền	17.112.938.156	50.120.000.000
	<b>27.088.661.636</b>	<b>61.606.208.971</b>

Tại 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 1,5% - 3,2%/năm.

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Chi tiết tại Phụ lục 1)**

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	5.794.158.917	-	4.120.665.490	-
Công ty Cổ phần Goodchoice Việt Nam	961.251.962	-	11.758.294.480	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Ngọc Bảo	3.924.805.965	-	767.743.423	-
Công ty Cổ phần thương mại Quốc tế	4.931.220.300	-	-	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại và Đầu Tư NLC	-	-	7.519.759.200	-
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ B2B Sen Vàng	3.437.267.138	-	3.240.497.124	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	331.821.359.182	-	88.955.409.010	-
	<b>350.870.063.464</b>	<b>-</b>	<b>116.362.368.727</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>4.970.450.884</b>	<b>-</b>	<b>49.750.865</b>	<b>-</b>

##

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	9.498.719.059	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Aloland	-	-	34.002.250.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An	-	-	120.741.479.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế Bảo Tín <sup>(*)</sup>	12.594.325.840	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	3.000.000.000	-	-	-
Trả trước khác	3.116.433.538	-	14.817.650.428	-
	<b>28.209.478.437</b>	<b>-</b>	<b>184.561.379.428</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước người bán là các bên liên quan</b>	<b>12.498.719.059</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
##				

(\*) Đây là các khoản trả trước theo Hợp đồng nguyên tắc số 1812/2023/BN-BT ngày 18 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc và Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Bảo Tín về việc mua nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**9 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	2.885.717	-
Tạm ứng	6.525.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	483.925.780	-	27.000.000	-
Phải thu khác	3.781.545	-	271.695.956	-
	<b>7.012.707.325</b>	<b>-</b>	<b>301.581.673</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	150.000.000	-	150.000.000	-
	<b>150.000.000</b>	<b>-</b>	<b>150.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.581.923.638	-	17.165.488.083	-
Công cụ, dụng cụ	22.560.800	-	253.197.761	-
Hàng hoá	11.302.993.517	-	211.169.780.319	-
Hàng gửi đi bán	197.776.751.229	-	10.282.847.527	-
	<b>218.684.229.184</b>	<b>-</b>	<b>238.871.313.690</b>	<b>-</b>

**11 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Sửa chữa văn phòng	99.923.000	99.923.000
	<b>99.923.000</b>	<b>99.923.000</b>

**12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH (Chi tiết tại Phụ lục số 02)****13 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2024	990.000.000	990.000.000
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(990.000.000)	(990.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2024	768.854.166	768.854.166
Trích khấu hao	221.145.834	221.145.834
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(990.000.000)	(990.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2024	221.145.834	221.145.834
Tại ngày 31/12/2024	<b>-</b>	<b>-</b>

**14 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2024	6.098.456.667	6.098.456.667
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>6.098.456.667</b>	<b>6.098.456.667</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2024	2.510.609.166	2.510.609.166
Trích khấu hao	1.016.665.333	1.016.665.333
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>3.527.274.499</b>	<b>3.527.274.499</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2024	3.587.847.501	3.587.847.501
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>2.571.182.168</b>	<b>2.571.182.168</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	41.256.020	1.698.676.239
Chi phí bảo hiểm	9.411.111	167.785.639
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	5.427.671.069	1.070.798.034
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.449.735.187	1.351.382.348
	<b>6.928.073.387</b>	<b>4.288.642.260</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.695.564.012	64.266.798
Chi phí thuê văn phòng	49.256.049.600	-
Chi phí tiền thuê đất	14.082.514.005	14.549.567.138
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	41.224.157
	<b>67.034.127.617</b>	<b>14.655.058.093</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	-	-	5.798.154.343	5.798.154.343
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Tiến Nhân	3.952.384.696	3.952.384.696	79.526.496	79.526.496
Công ty CP Xuân Xuân	-	-	2.457.856.000	2.457.856.000
Công ty TNHH Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	62.027.093.976	62.027.093.976	472.247.247	472.247.247
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An	10.604.439.000	10.604.439.000	-	-
Các khoản phải trả khác	15.042.793.789	15.042.793.789	6.859.060.060	6.859.060.060
	<b>91.626.711.461</b>	<b>91.626.711.461</b>	<b>15.666.844.146</b>	<b>15.666.844.146</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa (*)	48.000.000.000	48.000.000.000
Các đối tượng khác	4.001.505.748	2.316.107.701
	<b>52.001.505.748</b>	<b>50.316.107.701</b>

(\*) Đây là khoản tiền mà Công ty trên trả trước tiền liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ: Lô A2 CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc đã lập hóa đơn cho giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 09/02/2023 tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, giao dịch chuyển nhượng trên chưa được hoàn thành về mặt pháp lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất chưa được sang tên cho Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa.

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan ##	<b>2.189.485.986</b>	-
---	----------------------	---

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Chi tiết tại Phụ lục số 03)****19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải trả khác	484.375.780	-
	<b>484.375.780</b>	-

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Chi tiết tại Phụ lục số 04)****21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại Phụ lục số 05)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Lê Đức Thuận	36,06%	112.696.680.000	36,06%	90.157.350.000
Các cổ đông khác	63,94%	199.797.260.000	63,94%	159.841.200.000
	<b>100%</b>	<b>312.493.940.000</b>	<b>100%</b>	<b>249.998.550.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	312.493.940.000	249.998.550.000
- Vốn góp đầu năm	249.998.550.000	249.998.550.000
- Vốn góp tăng trong năm	62.495.390.000	-
- Vốn góp cuối năm	312.493.940.000	249.998.550.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.249.394	24.999.855
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.249.394	24.999.855
- Cổ phiếu phổ thông	31.249.394	24.999.855
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.249.394	24.999.855
- Cổ phiếu phổ thông	31.249.394	24.999.855
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.055.393.794	1.698.273.899
	<b>3.055.393.794</b>	<b>1.698.273.899</b>

**22 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	259.273.031.839	208.688.605.148
Doanh thu bán hàng hóa	762.245.809.710	842.773.445.301
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	19.648.871
	<b>1.021.518.841.549</b>	<b>1.051.481.699.320</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<b>25.456.259.425</b>	<b>82.861.795</b>

##

**23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.584.939.244	327.089.558
Hàng bán bị trả lại	12.391.579.278	12.667.567.319
	<b>13.976.518.522</b>	<b>12.994.656.877</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	239.953.491.541	187.918.647.512
Giá vốn của hàng hóa đã bán	637.473.272.503	721.048.690.271
	<b>877.426.764.044</b>	<b>908.967.337.783</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.688.091.212	1.263.999.249
	<b>1.688.091.212</b>	<b>1.263.999.249</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	23.076.022.019	22.811.793.260
	<b>23.076.022.019</b>	<b>22.811.793.260</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	24.000.000	-
Chi phí nhân công	9.147.410.119	8.632.056.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	704.300.754	1.053.907.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.100.302.816	24.304.166.219
Chi phí khác bằng tiền	-	24.895.161
	<b>30.976.013.689</b>	<b>34.015.025.606</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	501.874.449	376.134.603
Chi phí nhân công	4.484.951.274	4.546.553.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.347.786.893	3.514.740.599
Thuế, phí, lệ phí	998.261.978	1.299.657.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.969.747.066	4.030.852.671
Chi phí khác bằng tiền	1.289.547.302	244.012.417
	<b>16.592.168.962</b>	<b>14.011.950.450</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.128.327.272	3.592.762.489
Chi phí khác	2.407.936.313	1.168.335.233
	<b>3.536.263.585</b>	<b>4.761.097.722</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.623.181.940	55.184.108.131
Các khoản điều chỉnh tăng	4.898.088.080	5.973.017.526
- Chi phí không hợp lệ	3.536.263.585	4.761.097.722
- Chi phí khấu hao của tòa nhà Bảo Ngọc	1.361.824.495	1.211.919.804
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	62.521.270.020	61.157.125.657
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>12.504.254.005</b>	<b>12.231.425.131</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	45.391.292.834	43.195.066.961
Các khoản điều chỉnh	(1.357.119.895)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(1.357.119.895)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	44.034.172.939	43.195.066.961
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.496.394	25.068.536
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.727</b>	<b>1.723</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	226.748.752.708	181.155.987.035
Chi phí nhân công	22.402.382.069	19.171.894.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.021.144.103	7.751.054.748
Chi phí thuế và lệ phí	998.327.978	1.299.657.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.211.391.727	29.823.968.453
Chi phí khác bằng tiền	780.684.979	445.117.419
	<b>286.162.683.564</b>	<b>239.647.679.335</b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.088.661.636	-	61.606.208.971	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	358.032.770.789	-	116.813.950.400	-
Đầu tư ngắn hạn	34.907.669.396	-	24.000.000.000	-
	<b>420.029.101.821</b>	<b>-</b>	<b>202.420.159.371</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	448.289.655.364	306.122.630.479
Phải trả người bán, phải trả khác	92.111.087.241	15.666.844.146
Chi phí phải trả	-	381.812.613
	<b>540.400.742.605</b>	<b>322.171.287.238</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.088.661.636	-	-	27.088.661.636
Phải thu khách hàng, phải thu khác	357.882.770.789	150.000.000	-	358.032.770.789
Đầu tư ngắn hạn	34.907.669.396	-	-	34.907.669.396
	<b>419.879.101.821</b>	<b>150.000.000</b>	<b>-</b>	<b>420.029.101.821</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.606.208.971	-	-	61.606.208.971
Phải thu khách hàng, phải thu khác	116.663.950.400	150.000.000	-	116.813.950.400
Đầu tư ngắn hạn	24.000.000.000	-	-	24.000.000.000
	<b>202.270.159.371</b>	<b>150.000.000</b>	<b>-</b>	<b>202.420.159.371</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Vay và nợ	377.636.718.918	61.378.174.910	9.274.761.536	448.289.655.364
Phải trả người bán, phải trả khác	92.111.087.241	-	-	92.111.087.241
	<b>469.747.806.159</b>	<b>61.378.174.910</b>	<b>9.274.761.536</b>	<b>540.400.742.605</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	306.122.630.479	-	-	306.122.630.479
Phải trả người bán, phải trả khác	15.666.844.146	-	-	15.666.844.146
Chi phí phải trả	381.812.613	-	-	381.812.613
	<b>322.171.287.238</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>322.171.287.238</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	259,273,031,839	748,269,291,188	1,007,542,323,027
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	239,953,491,541	637,473,272,503	877,426,764,044
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>19,319,540,298</b>	<b>110,796,018,685</b>	<b>130,115,558,983</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	67,846,908,474	-	67,846,908,474
Tài sản bộ phận trực tiếp	75,309,281,901	119,952,993,517	195,262,275,418
Tài sản không phân bổ	-	-	911,254,425,916
<b>Tổng tài sản</b>	<b>75,309,281,901</b>	<b>119,952,993,517</b>	<b>1,106,516,701,334</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	607,886,931,660
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>607,886,931,660</b>

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty CP Á Long	(1)	44,656,179	54,942,714
Công ty CP thương mại quốc tế Bavigo	(3)	11,479,068,796	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An Hà Nam	Công ty con	13,888,890,850	-
Công ty CP Sản xuất Bao bì Tây Đô	(2)	43,643,600	27,919,081
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty TNHH đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Công ty con	537,629,656,929	495,578,303,500
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	Công ty Con	199,410,326,950	226,102,545,050
Công ty CP Á Long	(1)	14,475,000	1,800,000
Công ty CP Sản xuất Bao bì Tây Đô	(2)	-	3,015,502,160
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(3)	261,810	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Số dư tại ngày kết thúc năm:	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP Á Long	(1)	39,230,584	6,296,719
Công ty CP Sản xuất Bao bì Tây Đô	(2)	-	43,378,926
Công ty CP ABG Việt Nam	(4)	-	75,220
Công ty CP Thương mại quốc tế Bavigo	(3)	4,931,220,300	-
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty TNHH đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	Công ty con	9,498,719,059	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(5)	3,000,000,000	-
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty TNHH đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Công ty con	62,027,093,976	472,247,247
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	Công ty con	-	5,798,154,343
Công ty CP Sản xuất Bao bì Tây Đô	(2)	567,497,685	117,497,685
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty CP Sản xuất Bao bì Tây Đô	(2)	2,189,485,986	-
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>			
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An Hà Nam	Công ty con	20,330,000,000	-

(1) Chủ tịch HĐQT Công ty là cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần của bên liên quan

(2) Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan

(3) Thành viên HĐQT Công ty là Giám đốc của bên liên quan

(4) Giám đốc Công ty trên đồng thời là vợ của Chủ tịch HĐQT. Đến ngày 05/12/2023, đơn vị này không còn là bên liên quan do thay đổi Giám đốc.

(5) Chủ tịch HĐQT Công ty là Thành viên HĐQT của bên liên quan, Thành viên HĐQT Công ty là Tổng Giám đốc bên liên quan. Ngày 16/12/2024 trở thành bên liên quan. Giao dịch phát sinh từ ngày 02/02/2024 theo Hợp đồng số 0212/HĐNT/MT-BN, ký ngày 02/12/2024.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>765,935,464</b>	<b>1,030,292,134</b>
Lê Đức Thuấn	Chủ tịch HĐQT	150,000,000	150,000,000
Trần Xuân Vinh	Thành viên HĐQT	84,000,000	84,000,000
Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	450,520,955
Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	447,935,464	261,771,179
Đặng Minh Quang	Thành viên HĐQT	84,000,000	84,000,000
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>		<b>406,676,280</b>	<b>192,676,371</b>
Lê Thị Thanh Huyền		208,370,280	-
Nguyễn Công Minh	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 28/06/2024	24,000,000	-
Nguyễn Thị Huyền	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 28/06/2024	126,306,000	-
Dương Đắc Lâm	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 28/06/2024	24,000,000	102,271,525
Lê Văn Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 28/06/2024	24,000,000	90,404,846

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

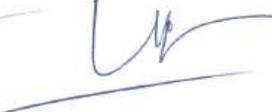
**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản cố định là "Tòa nhà Bảo Ngọc 8 tầng" cho bên mua là Công ty TNHH Cơ điện lạnh Bách Khoa trên Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán quý 4 năm 2023, dẫn đến một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng kỳ này được trình bày lại

Chi tiêu	Mã số	Điều chỉnh hồi tố VND	Đã trình bày trên báo
			cáo riêng năm/kỳ VND
<b>Bảng cân đối kế toán riêng</b>			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	116,362,368,727	123,362,368,727
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5,000,000,000	-
Tài sản cố định hữu hình	221	89,526,172,730	41,334,155,887
<i>Nguyên giá</i>	222	<i>131,204,391,545</i>	<i>79,009,982,649</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	<i>(41,678,218,815)</i>	<i>(37,675,826,762)</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	361,596,632	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	50,316,107,701	2,316,107,701
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	122,920,372,836	124,366,759,361
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	<i>43,195,066,961</i>	<i>44,641,453,486</i>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</b>			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14,011,950,450	12,800,030,646
Thu nhập khác	31	271,260	596,334,613
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(361,596,632)	-
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8,962,974,552	7,751,054,748
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,263,828,249)	(1,859,891,602)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(33,950,660,738)	(40,950,660,738)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(17,007,036,194)	(53,007,036,194)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	43,000,000,000

  
Lại Thị Thu Hà  
Người lập

  
Đinh Thị Thúy Hạnh  
Kế toán trưởng

  
  
Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Phụ lục số 01

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	34.907.669.396	34.907.669.396	24.000.000.000	24.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	34.907.669.396	34.907.669.396	24.000.000.000	24.000.000.000
	<b>34.907.669.396</b>	<b>34.907.669.396</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>

Tại 31/12/2024, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,2%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	207.650.000.000	-	108.650.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	21.600.000.000	-	21.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	87.050.000.000	-	87.050.000.000	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương mại Bảo An Hà Nam	99.000.000.000	-	-	-
	<b>207.650.000.000</b>	<b>-</b>	<b>108.650.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
*Phụ lục số 01*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	Hồ Chí Minh	96,72%	96,72%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương mại Bảo An Hà Nam	Hà Nam	99,00%	99,00%	Sản xuất sản phẩm từ plastic

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
*Phụ lục số 02*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN****12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	63.269.012.867		59.873.721.406	6.523.727.272	1.369.500.000	168.430.000	131.204.391.545					
Mua sắm	-	33.512.000.000	-	-	-	-	33.512.000.000					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34.334.908.474		-	-	-	-	34.334.908.474					
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>97.603.921.341</b>	<b>93.385.721.406</b>	<b>6.523.727.272</b>	<b>1.369.500.000</b>	<b>168.430.000</b>	<b>199.051.300.019</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	12.592.487.088	23.137.354.137	4.922.700.602	893.689.576	131.987.412	41.678.218.815						
Trích khấu hao	2.334.698.437	3.545.904.840	709.764.865	197.690.603	10.170.025	6.798.228.770						
Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	975.104.166	-	-	-	975.104.166						
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>14.927.185.525</b>	<b>27.658.363.143</b>	<b>5.632.465.467</b>	<b>1.091.380.179</b>	<b>142.157.437</b>	<b>49.451.551.751</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	50.676.525.779	36.736.367.269	1.601.026.670	475.810.424	36.442.588	89.526.172.730						
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>82.676.735.816</b>	<b>65.727.358.263</b>	<b>891.261.805</b>	<b>278.119.821</b>	<b>26.272.563</b>	<b>149.599.748.268</b>						

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 396.444.447 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.058.109.745 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Phụ lục số 03

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN****18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng (Đã điều chỉnh hồi tố)	5.000.000.000	11.012.465.901	(6.278.209)	11.006.187.692	5.000.000.000	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.224.509.379	12.504.254.005	12.242.806.605	-	12.485.956.779
Thuế Thu nhập cá nhân	-	105.111.585	83.421.267	133.755.637	-	54.777.215
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	134.710.343	134.710.343	-	-
Các loại thuế khác	-	-	1.119.448.349	1.119.448.349	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6.500.000	6.500.000	-	-
	<b>5.000.000.000</b>	<b>23.342.086.865</b>	<b>13.842.055.755</b>	<b>24.643.408.626</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>12.540.733.994</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Phụ lục số 04

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>305.935.509.479</b>	<b>305.935.509.479</b>	<b>973.235.003.252</b>	<b>(913.809.428.795)</b>	<b>365.361.083.936</b>	<b>365.361.083.936</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	16.211.992.617	16.211.992.617	98.956.813.918	(84.610.491.500)	30.558.315.035	30.558.315.035
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	19.144.707.911	19.144.707.911	46.946.192.645	(53.040.890.991)	13.050.009.565	13.050.009.565
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	50.000.000.000	50.000.000.000	66.495.000.000	(66.500.000.000)	49.995.000.000	49.995.000.000
- CN Bắc Ninh						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	98.988.263.751	98.988.263.751	156.449.296.724	(255.437.560.475)	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	61.790.545.200	61.790.545.200	96.539.000.000	(158.329.545.200)	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	40.000.000.000	40.000.000.000	117.996.562.906	(90.000.000.000)	67.996.562.906	67.996.562.906
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	19.800.000.000	19.800.000.000	47.704.874.744	(66.510.400.629)	994.474.115	994.474.115
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	321.817.262.315	(139.380.540.000)	182.436.722.315	182.436.722.315
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An Hà Nam	-	-	20.330.000.000	-	20.330.000.000	20.330.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>187.121.000</b>	<b>187.121.000</b>	<b>12.275.634.982</b>	<b>(187.121.000)</b>	<b>12.275.634.982</b>	<b>12.275.634.982</b>
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	12.275.634.982	-	12.275.634.982	12.275.634.982
Nợ thuê tài chính dài hạn	187.121.000	187.121.000	-	(187.121.000)	-	-
	<b>306.122.630.479</b>	<b>306.122.630.479</b>	<b>985.510.638.234</b>	<b>(913.996.549.795)</b>	<b>377.636.718.918</b>	<b>377.636.718.918</b>
<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	86.000.000.000	(15.347.063.554)	70.652.936.446	70.652.936.446
	-	-	<b>86.000.000.000</b>	<b>(15.347.063.554)</b>	<b>70.652.936.446</b>	<b>70.652.936.446</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục số 04 (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>					<b>365.361.083.936</b>	<b>365.361.083.936</b>	
<b>1</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</b> Hợp đồng cho vay hạn mức số 406-03/2024- HĐCVHM/NHCT131-BN ngày 16/01/2024	45.000.000.000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/ hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	30.558.315.035	30.558.315.035	- Đảm bảo bằng tài sản
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam</b> Hợp đồng tín dụng số HN/2022/02/BCB/HDTĐ ngày 12/01/2022 và hợp đồng bổ sung số HN/2022/02/BCB/HDTĐ/BS1 ngày 11/01/2023	70.000.000.000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/ hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Tối đa không quá 6 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	13.050.009.565	13.050.009.565	- Đảm bảo bằng tài sản
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh</b> Hợp đồng cho vay hạn mức số VN123001244/2023- HĐCVHM/WBVN300 ngày 28/02/2023	50.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sản phẩm từ bột mì và các sản phẩm bánh kẹo khác	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	49.995.000.000	49.995.000.000	- Đảm bảo bằng tài sản
<b>4</b>	<b>Ngân hàng TMCP Quân Đội</b> Hợp đồng cấp tín dụng số 234855.24.056.1516289.TĐ ngày 08/08/2024	75.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bánh kẹo	Từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 15/07/2025	Theo từng giấy nhận nợ	67.996.562.906	67.996.562.906	- Đảm bảo bằng tài sản
<b>5</b>	<b>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</b> Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản không TSBD số ThauchionlineSME- 11366296	1.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	16%	994.474.115	994.474.115	- Bảo lãnh cá nhân
<b>6</b>	<b>Ngân hàng TMCP An Bình</b> Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1140/24/TĐ/SME/116 ngày	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	182.436.722.315	182.436.722.315	- Đảm bảo bằng tài sản
<b>7</b>	<b>Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An Hà Nam</b> Hợp đồng số 01.24/HĐCV/BAHN-BN ngày 23/12/2024	20.330.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	06 tháng	8%/năm	20.330.000.000	20.330.000.000	- Tín chấp

Phụ lục số 04 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
II	Vay dài hạn					82.928.571.428	12.275.634.982	
I	Ngân hàng TMCP An Bình Hợp đồng cho vay từng lần số 1142/24/TD/SME/116 ngày 24/09/2024	86.000.000.000	Vay bù đắp tài chính	84 tháng	9%/năm	82.928.571.428	12.275.634.982	- Đảm bảo bằng tài sản
	<b>Tổng cộng các khoản vay</b>					<b>448.289.655.364</b>	<b>377.636.718.918</b>	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Phụ lục số 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023						
Tại ngày 01/01/2023	249.998.550.000	79.978.400.000	-	1.698.273.899	79.725.305.875	411.400.529.774
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	44.641.453.486	44.641.453.486
Ảnh hưởng do điều chỉnh hồi tố	-	-	-	-	(1.446.386.525)	(1.446.386.525)
Tại ngày 31/12/2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)	249.998.550.000	79.978.400.000	-	1.698.273.899	122.920.372.836	454.595.596.735
Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024						
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	249.998.550.000	79.978.400.000	-	1.698.273.899	122.920.372.836	454.595.596.735
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.357.119.895	(2.714.239.790)	(1.357.119.895)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	45.391.292.834	45.391.292.834
Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu	62.495.390.000	-	-	-	(62.495.390.000)	-
Tại ngày 31/12/2024	312.493.940.000	79.978.400.000	-	3.055.393.794	103.102.035.880	498.629.769.674

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận lũy kế đến năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	122.920.372.836
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1,10%	1.357.119.895
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,10%	1.357.119.895
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 25% vốn điều lệ)	50,84%	62.495.390.000
Lợi nhuận chưa phân phối	46,95%	57.710.743.046

